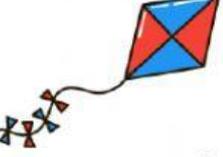
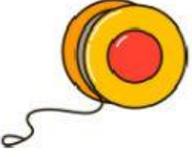
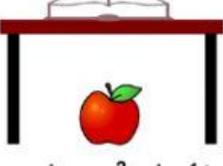


## EXERCISE

BOOK: HAPPY CAMPERS 1 UNIT 5 LESSON 1-2

### REVIEW (ÔN TẬP)

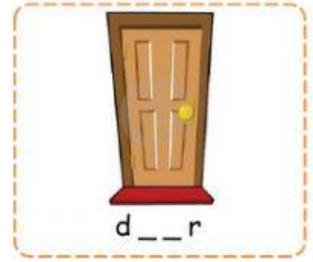
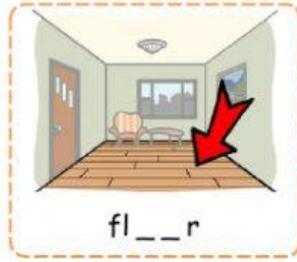
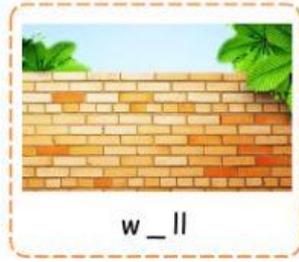
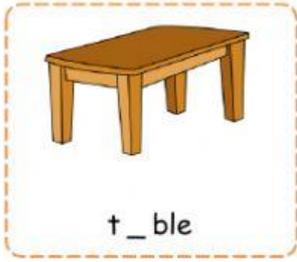
Quý PH nhấn vào hình để bé nghe từ và lặp lại nhé.

 window: cửa sổ	 floor: nền nhà	 table: cái bàn	 chair: cái ghế
 door: cái cửa	 wall: bức tường	 book: quyển sách	 doll: búp bê
 kite: con diều	 truck: xe tải	 teddy bear: gấu bông	 yo-yo
 in: ở trong	 on: ở trên	 under: ở dưới	

I/ Look at the picture and choose the correct word. (Nhìn hình và chọn từ đúng)

	1/ a/ a chair b/ a table		2/ a/ a wall b/ a door		3/ a/ floor b/ window
	4/ a/ a chair b/ a table		5/ a/ a wall b/ a door		6/ a/ floor b/ window

II/ Write the missing letter. (Viết chữ cái còn thiếu để hoàn thành từ.)



III/ Look at the picture and choose the correct answer. (Nhìn hình và chọn đáp án đúng)

1/ The cat is \_\_\_\_ the books.



a/ in

b/ on

4/ The yo-yo is \_\_\_\_ the chair.



a/ under

b/ on

2/ The doll is \_\_\_\_ the window.



a/ on

b/ in

5/ The truck is \_\_\_\_ the table.



a/ under

b/ in

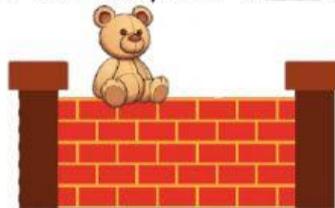
3/ The books are \_\_\_\_ the table.



a/ in

b/ on

6/ The teddy bear is \_\_\_\_ the wall.



a/ on

b/ in